TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2017/DS-PT
Ngày: 29/11/2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Ông Hoàng Ngọc Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 200/2017/QĐ-PT ngày 03/11/2017.

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Kim Tr, sinh năm 1978, địa chỉ: khóm Long Th D, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984, địa chỉ: khóm Long Th D, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Ông Trần Võ M, sinh năm 1978, địa chỉ: khóm C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lý Thị Kim Tr trình bày: Vào năm 2012, 2013 bà có tham gia chơi hụi và mua hụi sống của bà Nguyễn Thị Kim L làm chủ hụi. Đến cuối năm 2013 thì bà L ngưng xổ hụi không tiếp tục góp hụi và cũng không thanh toán tiền lại cho bà Tr, nên giữa bà Tr, bà L, ông M chồng bà L có ký tên xác nhận bằng biên nhận ngày 14 tháng 12 năm 2013 số tiền nợ hụi bà Tr là 509.000.000 đồng (năm trăm lẻ chín triệu đồng).

Nay bà Tr chỉ yêu cầu bà L, ông M trả số tiền vốn mà bà đã chầu hụi cho bà L, ông M số tiền 402.390.000đồng (bốn trăm lẻ hai triệu ba trăm chín chục nghìn đồng) trả một lần và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn thị Kim L thừa nhận là có ký vào giấy xác nhận nợ, số tiền nợ hụi là 402.390.000đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng, xin giảm lãi.

Ông Trần Võ M trình bày: Việc giao dịch chơi hụi giữa vợ ông với bà Tr như thế nào ông không biết, ông thừa nhận là ông có ký vào tờ xác nhận, nhận nợ ngày 14/12/2013, việc trả nợ là của bà L ông không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 476 Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội. Điều 29 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Võ M phải có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thị Kim Tr 532.160.000đồng (năm trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau xét xử sơ thẩm ngày 04 tháng 8 năm 2017 bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo với nội dung là loại trừ trách nhiệm ông Trần Võ M, không phải cùng bà chịu trách nhiệm trả nợ, và bà xin trả dần, không tính lãi.

Ông Trần võ M làm đơn kháng cáo với nội dung là không biết việc giao dịch chơi hụi giữa vợ ông với bà Trang, tờ xác nhận biên nhận nợ là do bà Lợi đưa ông ký vào tờ giấy trắng không có nội dung, và xin được loại trừ trách nhiệm liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Võ M nộp trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Giữa bà Lý Thị Kim Tr và bà Nguyễn Thị Kim L vào năm 2012 đến năm 2013 có xác lập hợp đồng góp hụi, bà Tr có tham gia chơi hụi và mua hụi sống của bà Nguyễn Thị Kim L làm chủ hụi. Đến cuối năm 2013 thì bà Lợi bị vỡ hụi, không có khả năng trả tiền hụi cho bà Tr, nên giữa bà Tr, bà L, ông L có xác lập tờ biên nhận nợ hụi theo hai biên nhận nợ cùng ngày 14/12/2013 số tiền 229.000.000đồng + 280.000.000đồng = 509.000.000 đồng. Do ông M, bà Lợi ký tên trực tiếp vào biên nhận. Bà L cũng xác nhận và đồng ý trả số tiền như bà Trang yêu cầu nhưng không đồng ý trả lãi, và xin trả dần mỗi tháng là 500.000đồng, ông M không đồng ý cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Trang. Bà Tr yêu cầu bà L và ông M trả 402.390.000đồng một lần và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Đối với các đương sự, từ khi tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay được thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Hồ sơ thể hiện nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất số nợ hụi, phía bị đơn thừa nhận có ký vào 02 biên nhận nợ ngày 14 tháng 12 năm 2013 và còn nợ tiền vốn góp hụi 402.390.000đồng, cấp sơ thẩm xem xét do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi suất 129.770.000đồng là có căn cứ pháp luật. Ông M chồng bà L cũng xác nhận chữ ký trong 02 biên nhận nợ là của ông. Do đó cấp sơ

thẩm đã căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đã buộc bà L với ông M có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền vốn và lãi 532.160.000đ là đúng.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoảng 1 Điều 380 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Võ M; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T.

[5] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L là loại trừ trách nhiệm ông Trần Võ M không phải cùng bà chịu trách nhiệm trả nợ, và bà L xin trả dần, không tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy theo hồ sơ thể hiện, giữa bà Lý Thị Kim Tr và bà Nguyễn Thị Kim L có xác lập Hợp đồng góp hụi. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà L thừa nhận có ký vào 02 biên nhận nợ ngày 14/12/2013 và còn nợ bà Tr tiền vốn góp hụi 402.390.000đồng đến nay vẫn chưa trả, là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, bà L xin được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng không được nguyên đơn đồng ý; Nên bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trang số tiền vốn 402.390.000đồng.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Phía bị đơn có yêu cầu không tính lãi nhưng không được bà Tr chấp nhận. Bà Tr có yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định kể từ tháng 12/2013 là có lợi cho bị đơn. Lãi suất được cấp sơ thẩm tính cụ thể là: 402.309.000đ x 0,75%/tháng x 43 tháng (từ tháng 12/2013 đến tháng 7/2013) = 129.770.000đồng.

Xét đơn kháng cáo của ông Trần Võ M là không biết việc giao dịch chơi hụi giữa vợ ông với bà Tr, tờ xác nhận biên nhận nợ là do bà L đưa ông ký vào tờ giấy trắng không có nội dung, và xin được loại trừ trách nhiệm liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy 02 biên nhận ngày 14/12/2013 (Bút lục 06 và 07) có chữ ký của ông M và ông M cũng xác nhận chữ ký trong 02 biên nhận trên là của ông. Tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2017, ông M cho rằng thời điểm ông ký tên thì 02 biên nhận ngày 14/12/2013 không có nội dung gì; nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, việc Tòa sơ thẩm buộc bà Lợi với ông M có nghĩa vụ trả cho bà Tr số tiền vốn, lãi tổng cộng 532.160.000đồng là đúng theo tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, bêu, phường.

Ông M, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 476 Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí; Điều 29 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Võ M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật;

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0012450 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Ông Trần Võ Lâm phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012449 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND. AG;
- TAND. TX T
- THA TX T
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

Cao Minh Lễ

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà Hoàng Ngọc Linh Cao Minh Lễ